

ỦY BAN DÂN TỘC

Số: 41/UB-TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 8 tháng 1 năm 1996

THÔNG TƯ

Quy định và hướng dẫn thực hiện tiêu chí từng khu vực ở vùng dân tộc miền núi

Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 7189/ĐPPI ngày 14/12/1995 của Chính phủ, về việc giao cho Ủy ban Dân tộc và Miền núi công bố tiêu chí của từng khu vực ở vùng dân tộc miền núi;

Để có cơ sở đầu tư phát triển, vận dụng thực hiện các chủ trương chính sách sát hợp với từng khu vực, từng đối tượng, có hiệu quả ở vùng dân tộc miền núi;

Ủy ban Dân tộc và Miền núi quy định tiêu chí và hướng dẫn việc phân định từng khu vực theo trình độ phát triển ở vùng dân tộc miền núi như sau:

I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ TIÊU CHÍ:

A/ Những quy định chung:

Đồng bào các dân tộc sống xen ghép ở miền núi, sau nhiều năm đầu tư phát triển đã hình thành ba khu vực theo trình độ phát triển, được gọi là:

Khu vực I: khu vực bước đầu phát triển

Khu vực II: Khu vực tạm ổn định

Khu vực III: Khu vực khó khăn

Việc phân định từng khu vực phải căn cứ vào năm tiêu chí:

1/ Điều kiện tự nhiên, địa bàn cư trú:

Xác định rõ địa bàn cư trú ở vùng có điều kiện tự nhiên cụ thể: vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; ở trong vùng ảnh hưởng của các trung tâm phát triển: thị xã, thị trấn, thị tứ, vùng kinh tế hàng hoá phát triển, ven các quốc lộ, tỉnh lộ, đường ô tô

liên huyện, liên xã...; hoặc ở vùng đệm giữa các trung tâm phát triển và vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

2/ Cơ sở hạ tầng:

Chú trọng để các công trình chủ yếu:

Đường giao thông gồm có: đường bộ (quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện, liên xã); đường sắt chạy qua và ga đường sắt đặt tại khu vực; sân bay; đường thủy.

Điện lưới quốc gia, thủy điện nhỏ, các nguồn năng lượng khác...

Thủy lợi: năng lực tưới cho diện tích lúa, cây công nghiệp... Kết hợp thủy lợi với giải quyết vấn đề nước sạch; các công trình nước sạch: giếng khoan, bể chứa...

Xem xét tới quy mô, cấp hạng kỹ thuật, năng lực của các công trình so với đòi hỏi của yêu cầu sản xuất và đời sống của đồng bào trong khu vực.

3/ Các yếu tố xã hội:

Trình độ dân trí: trình độ văn hoá, tỷ lệ mù chữ, khả năng tiếp thu và vận dụng các chủ trương, chính sách, tiến bộ khoa học kỹ thuật...; các vấn đề về y tế: phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe, KHHGĐ; đời sống văn hoá tiến bộ hay lạc hậu...

Quy mô và chất lượng: trường học, cơ sở chữa bệnh, phát thanh, truyền hình, các cơ sở văn hoá...

4/ Điều kiện sản xuất:

Diện tích đất lâm nghiệp, đất nông nghiệp, đại gia súc, gia súc, bình quân cho 1 hộ, 1 người; công cụ sản xuất cơ giới hay thô sơ.

Trình độ thâm canh cây trồng vật nuôi; áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; cơ cấu sản xuất: lâm nghiệp, nông nghiệp, công nghiệp và thủ công nghiệp, dịch vụ.

Trình độ sản xuất hàng hoá, hình thành vùng hàng hoá với những sản phẩm hàng hoá chủ yếu; hình thành thị trường hàng hoá: trung tâm thương mại, chợ khu vực, khả năng giao lưu hàng hoá.

5/ Về đời sống:

Phân loại hộ đói nghèo theo "chuẩn mực đói nghèo và mức độ đói nghèo ở Việt Nam" đã được Bộ Lao động Thương binh và xã hội quy định tại báo cáo 13.266/LĐ-TBXH.BT ngày 29/8/95;

Đơn vị để xác định chuẩn đói nghèo là: thu nhập của hộ quy đổi ra gạo bình quân đầu người/ tháng.

Hộ nghèo: là hộ có thu nhập bình quân đầu người hàng tháng quy đổi ra gạo:

Dưới 25 kg gạo ở thành thị.

Dưới 20 kg gạo ở nông thôn vùng đồng bằng và trung du.

Dưới 15 kg gạo ở nông thôn miền núi.

Hộ đói: là hộ có thu nhập quy đổi bình quân đầu người/ tháng dưới 13kg gạo.

B/ Đơn vị để xác định khu vực:

Lấy xã làm đơn vị để xếp vào từng khu vực; sau khi xem xét cụ thể từng xã, nếu thấy đạt 4/5 tiêu chí của khu vực nào thì xếp vào khu vực đó. Trường hợp đặc biệt: Có buôn làng hầu hết là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, số hộ đói nghèo chiếm tỷ lệ khá cao, trình độ phát triển theo các tiêu chí chênh lệch quá xa so với toàn xã; sau khi được Hội đồng xét duyệt của tỉnh, huyện xác nhận tại chỗ, thì có thể xếp buôn làng đó vào khu vực khác với khu vực của xã sở tại.

Như vậy, ở mỗi huyện có thể có các khu vực khác nhau.

Lấy năm 1995 là chủ yếu để xác định các yếu tố của từng tiêu chí. Nếu năm 1995 địa phương bị thiên tai, mất mùa... thì có thể xem xét các yếu tố đó trong điều kiện của năm 1994-1995.

Sau hai năm thực hiện các chủ trương chính sách, đầu tư phát triển, phải đánh giá lại mức độ phát triển của từng xã trên cơ sở các tiêu chí cụ thể để điều chỉnh từng khu vực phù hợp; nhằm vận dụng thực hiện các chủ trương chính sách và có kế hoạch đầu tư phát triển luôn sát hợp với từng địa bàn.

II- QUY ĐỊNH CỤ THỂ TIÊU CHÍ CỦA TỪNG KHU VỰC.

Trên cơ sở quy định về tiêu chí và lấy xã làm đơn vị để xếp vào từng khu vực như nêu trên; tiêu chí cụ thể của từng khu vực như sau:

Khu vực một (Khu vực bước đầu phát triển)

1. Địa bàn cư trú các trung tâm phát triển: các thành phố, thị xã, thị trấn, thị tứ, các khu công nghiệp, trung tâm hoạt động của các doanh nghiệp; vùng cây trồng vật nuôi hàng hoá bước đầu phát triển; ven các quốc lộ, tỉnh lộ, ga đường sắt, sân bay, bến